

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 01 - 2023

V/v: Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Xuân Oanh  
2. Ông Nguyễn Công Thắm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Minh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Đậu Thị Hoài; Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2022/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1979

Nơi ĐKKHKT: Khối 12, phường H, thành phố V, tỉnh NA.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 32, ngõ 133, Đường P, xã N, thành phố V, tỉnh NA.

Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị đơn:** Anh Thái Doãn T; Sinh năm: 1976

Nơi cư trú: Khối 12, phường H, thành phố V, tỉnh NA.

Nơi làm việc: Hạt Kiểm lâm Đ, huyện Đ, tỉnh NA.

Vắng mặt (lần thứ hai) tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong "Đơn khởi kiện" ngày 20/9/2022; Bản tự khai ngày 27/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thái Doãn T tiến hành tổ chức lễ cưới và bắt đầu sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 6 năm 2005 nhưng khi đó không tiến hành đăng ký kết hôn và đến nay cũng vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau khi tiến hành lễ cưới, hai anh chị về chung sống với nhau tại xã NV, huyện N. Đến tháng 02 năm 2020 thì gia đình anh chị chuyển về chung sống tại khối 12, phường H, thành phố V. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 và trở nên trầm trọng là từ tháng 4 năm 2022, chị thuê nhà ở tại số nhà 32, ngõ 133, đường P, xã N, thành phố V, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không phù hợp, bất đồng về quan điểm sống. Hiện nay, chị H xét thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Thái Doãn T.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh T có hai con chung là: Thái Doãn Đ, sinh ngày: 16/01/2006 và Thái Thị Khánh T1, sinh ngày: 24/12/2010. Hiện nay chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi cháu mỗi tháng là 1.500.000 đồng, tổng hai cháu là 3.000.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 27/10/2022, bị đơn là anh Thái Doãn T trình bày: Từ năm 2005 anh và chị H yêu nhau và đã về cùng một nhà và đã cùng nhau sinh được 2 đứa con Thái Doãn Đ và Thái Thị Khánh T1. Khi lấy nhau thì như chị H có nói là không có đăng ký kết hôn còn anh cũng chưa nắm rõ việc đăng ký kết hôn. Từ đầu năm anh và chị H cũng có khúc mắc về tài chính và có ảnh hưởng đến tình cảm nên anh và chị H đã ly thân từ đầu tháng 4 cho đến nay, chị H đã làm đơn ra Tòa để giải quyết việc ly hôn. Hiện nay anh yêu cầu Tòa án cho vợ chồng tự hòa giải để giải quyết với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

- Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 BLTTDS; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng

quy định... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 14, 15, Khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật hôn nhân – gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Thái Doãn T là vợ chồng.

+ Về con chung: Đề nghị giao hai cháu Thái Doãn Đ và Thái Thị Khánh T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi cháu mỗi tháng là 1.500.000 đồng; tổng hai cháu 3.000.000 đồng.

+ Về tài sản: Đề nghị miễn xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; buộc bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 20 tháng 9 năm 2022, chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện gửi tới Tòa án nhân dân thành phố Vinh yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng và giải quyết tranh chấp về nuôi con với anh Thái Doãn T. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì anh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối 12, phường H, thành phố V, tỉnh NA nên Tòa án nhân dân thành phố Vinh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh Thái Doãn T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, anh Thái Doãn T vắng mặt nhưng tại Bản tự khai ngày 27/10/2022, anh T thừa nhận anh và chị H đã sống chung với nhau từ năm 2005, còn việc khi đó có đăng ký kết hôn hay không thì anh không nắm rõ. Theo kết quả xác minh tại UBND xã C, huyện Q (quê quán của chị H) và UBND xã NV, huyện N (quê quán của anh T) đều xác định không lưu trữ hồ sơ

đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Thái Doãn T. Do đó, có cơ sở để xác định chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định và đến nay vẫn không đăng ký kết hôn tại UBND các cấp có thẩm quyền như chị H đã trình bày. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị H, anh T đã vi phạm điều kiện về đăng ký kết hôn được quy định tại Điều 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Quá trình chung sống giữa anh chị cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tuy tại Bản tự khai anh T có nguyện vọng được hòa giải nhưng chính anh cũng thừa nhận hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 đến nay. Mặt khác, tuy có nguyện vọng được hòa giải nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng không tìm ra được giải pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm mà lại không có mặt tại các buổi làm việc sau đó của Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét thấy thời gian anh chị sống ly thân cũng đã lâu mà cả hai bên đương sự đều không có giải pháp gì để khắc phục, cuộc sống chung giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên cần căn cứ vào quy định tại Điều 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Thái Doãn T.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Tại Bản tự khai cũng như tại phiên tòa, chị H, anh T đều trình bày anh chị có hai con chung là Thái Doãn Đ, sinh ngày: 16/01/2006 và Thái Thị Khánh T1, sinh ngày: 24/12/2010. Hiện nay, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu còn anh T không đưa ra nguyện vọng về người trực tiếp nuôi con. Tại các Bản tự khai, cháu Đ và cháu T1 cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ để tiện cho việc học hành và cuộc sống. Hội đồng xét thấy từ trước đến nay, hai cháu đã ở cùng với chị H và được chăm sóc, phát triển hoàn toàn bình thường, khỏe mạnh còn anh T đang đi làm việc ở xa nên nguyện vọng này của chị H và hai cháu là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các bên. Do đó, cần giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ ổn định được việc học tập của các cháu cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, tránh sự xáo trộn về mặt tâm lý cho các cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân - gia đình.

Chị H xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng, tổng hai cháu 3.000.000 đồng. Xét thấy anh T hiện nay đang làm việc tại Hạt Kiểm lâm Đ, có thu nhập ổn định nên mức

cấp dưỡng mà chị H đưa ra là phù hợp, đảm bảo mức sinh hoạt trung bình tại địa phương đối với hai cháu, phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

Anh T không trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên có quyền đi lại thăm nom con chung; không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Tại Bản tự khai cũng như tại phiên tòa, chị H, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân tài sản nên miễn xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 9, Điều 14, 15, Khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Thái Doãn T.

2. *Về quan hệ con chung:* Giao hai con chung Thái Doãn Đ, sinh ngày: 16/01/2006 và Thái Thị Khánh T1, sinh ngày: 24/12/2010 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Thái Doãn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nguyễn Thị H mỗi cháu mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm ngàn đồng), tổng hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi từng cháu thành niên đủ 18 tuổi.

Anh Thái Doãn T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Thái Doãn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về quan hệ tài sản:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, nếu anh Thái Doãn T không chịu thi hành thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010364 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vinh. Anh Thái Doãn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Nga**

